

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/02/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		MRM+TD1	7:25	7+15	0+0		6+16	0+0	
2		CLO+BK5	7:25	18+4	0+0		17+4	0+0	chuyen 1 clo-bk5
3		PVD1	7:25	22	0		22	0	
4		RC3+P9	7:25	9+10	0+0		6+1	0+0	
5		BK4+P2	9:25	1+20	0+0		1+21	0+0	chuyen 1 bk4-p2
6		RCDM+RP2	9:25	2+20	0+0		0+22	0+0	
7		CTC1+TD1	9:25	14+8	0+0		8+13	0+0	
8		MRM	9:25	22	0		17	0	
9		BK6+CLO	11:25	15+7	0+0		4+7	0+0	
10		TTCl+P6+PVD1	11:25	7+0+15	0+0+0		0+3+3	0+0+0	
11		P2+P10	11:25	20+2	0+0		11+0	0+0	
12		P2+RP2	13:25	9+13	0+0		0+16	0+0	
13		BK8	13:25	21	0		6	0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:43
FLIGHT: 1	TO: MRM - TD1	CREW: LHM - ĐỨC - ĐANG	ETA: 09:25
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	POPOV MIKHAIL	MRM	59	1	10		170	AMNGR	Russian
2	SHEBALKOVA OLGA	MRM				50	76	AMNGR	Russian
3	OLEYNIK MAIIA	MRM	60	1	12		68	AMNGR	Russian
4	SHOKHIN IGOR	MRM	62,55	2	10		105	AMNGR	Russian
5	VILISOV VIACHESLAV	MRM	56,61	2	10		65	AMNGR	Russian
6	MUKHAMETOV ILMIR	MRM	54	1	13		80	AMNGR	Russian
7	DUDII MIKHAIL	MRM	57-58	2	13		70	AMNGR	Russian
8	BADRETDINOV EDGAR	TD1	18	1	3		75	KHOAN	Russian
9	ĐANG VIỆT KHÔI	TD1					75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH SƠN	TD1	20	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
11	ĐOÀN VĂN LEO	TD1	17	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN THIỀU	TD1	19	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM ĐỨC TUÂN	TD1	23	1	4	70	75	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	TD1	21	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ BA PHƯƠNG	TD1	28	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG THẮNG	TD1					55	KHOAN	Vietnamese
17	BUI VĂN NINH	TD1	22	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN BẢO	TD1	27	1	8		85	KHOAN	Vietnamese
19	ĐÀU ĐỨC HÙNG	TD1	29	1	5		70	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN THÀNH CÔNG	TD1	24	1	3		65	PSV	Vietnamese
21	DINH BA THANG	TD1	100	1	6		66	PSV	Vietnamese
22	ĐÀO VIỆT HAI	TD1	25-26	2	8		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	7	9	68	634	50	6		
2	TD1	15	14	68	1.089	70	16		
TOTAL		22	23	136	1.723	120	22		
WEIGHT KG				136	1.723	120			

GRAND TOAL: 1.979 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/02/2023	TO: CLO - BK5	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TTrung - Dương - Vũ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN HUNG	CLO	30	1	2	55	70	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN TIEN SINH	CLO	40	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
3	PHAN CONG PHU	CLO	32	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN TRUNG THANH	CLO	41	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN VINH	CLO	36	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC LY	CLO	33	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG NHAT	CLO	37	1	2		59	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN DINH HAI	CLO	31	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
9	VU MINH TUNG	CLO	34-35	2	12		68	KHOAN	Vietnamese
10	BUI VAN THO	CLO	42	1	14		77	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN MINH HAI	CLO	39	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN BUI QUANG	CLO	20-21	2	14		69	KHOAN	Vietnamese
13	DO NGOC HOAN	CLO	18-19	2	18		80	KHOAN	Vietnamese
14	LE VIET HUNG	CLO	27	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN HAM HA	CLO	28	1	4		65	DVL	Vietnamese
16	TANG TIEN TOAN	CLO	29	1	12		76	DVL	Vietnamese
17	VO CHI THANH	CLO	25-26	2	20		75	DVL	Vietnamese
18	TRAN QUANG BINH	BK5	86	1	5	40	82	KH-THAC	Vietnamese
19	DOAN VAN TRINH	BK5	85	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
20	LE DUC HUY	BK5	83	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN HUU NGHIEM	BK5	84	1	5		59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	17	21	146	1.233	55	17		CHUYEN 1 PAX CLO-BK5
2	BK5	4	4	20	282	40	4		
TOTAL		21	25	166	1.515	95	21		
WEIGHT KG				166	1.515	95			

GRAND TOAL: 1.776 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: PVD1	CREW: VThắng - N.ANH - Q.Trường	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN THÊU	PVD1	41	1	10		65	PVD INVE	Vietnamese
2	NGUYỄN KHẮC TỰ	PVD1	42-43	2	13		80	PVD INVE	Vietnamese
3	NGUYỄN TUẤN ANH	PVD1	36-37	2	10		80	PVDWS	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN QUANG	PVD1	38-39	2	12		90	PVDWS	Vietnamese
5	VÕ TRUNG TRI	PVD1	40	1	7		70	PVDWS	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN VIỆT	PVD1	21	1	11		67	HALLIBUR	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TIẾN	PVD1	33	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGÔ VIỆT PHƯƠNG	PVD1	47	1	10		91	KHOAN	Vietnamese
9	JAMIE NOEL TREGLOWN	PVD1	24	1	7		85	PVD DD	Australian
10	HOÀNG HỮU BÌNH	PVD1	30	1	10		75	PVD DD	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN THẮNG	PVD1	23	1	5		75	PVD DD	Vietnamese
12	HOÀNG VĂN TRUNG	PVD1	32	1	7		52	PVDO	Vietnamese
13	NGUYỄN DOÀN BAO TRUNG	PVD1	29	1	3		75	PVDO	Vietnamese
14	PHẠM TRỌNG ANH	PVD1	34	1	5		70	PVDO	Vietnamese
15	DOÀN VĂN HÙNG	PVD1	28	1	7		60	PVDO	Vietnamese
16	PHẠM VĂN DŨNG (1992)	PVD1	25	1	7		74	PVDO	Vietnamese
17	BUI QUỐC GIA	PVD1	22	1	3	20	70	PVDO	Vietnamese
18	ĐẶNG THÔNG TRI MÃN	PVD1	35	1	7		63	PVDO	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN NINH	PVD1	27	1	5		65	PVDO	Vietnamese
20	NGUYỄN VIỆT THẮNG	PVD1	46	1	3		67	PVDO	Vietnamese
21	LÊ NGỌC HÙNG	PVD1	26	1	5		70	PVDO	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN THÀNH	PVD1	31	1	5		70	PVDO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	22	25	157	1.589	20	22		
TOTAL		22	25	157	1.589	20	22		
WEIGHT KG				157	1.589	20			

GRAND TOAL: 1.766 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/02/2023	TO: RC3 - P9	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 4.	FROM: VT	CREW: CHIẾN - ĐNam - Toan	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ NG. HỒNG THANH	RC3	23	1	11	34	84	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN DŨNG	RC3	24	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH CÔNG	RC3					63	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TÂN HỒNG	RC3	01	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUỐC HÙNG	RC3	72,99	2	15		64	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ TU KHA	RC3	44,95	2	20		90	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ ANH CUÔNG	RC3	96-98	3	20		82	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAN THANH HÙNG	RC3	73-74	2	15		74	XAYLAP	Vietnamese
9	TÔ CÔNG TẠNH	RC3	22	1	4		67	PSV	Vietnamese
10	LÊ ĐĂNG TÂM	P9	63	1	3		67	D-HANH	Vietnamese
11	HUYNH XUÂN TRƯỞNG	P9	64	1	6		76	D-HANH	Vietnamese
12	TRẦN NGUYỄN BẢO MINH	P9	50	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG VINH PHU	P9	53	1	5	96	73	ANTOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH TÙNG	P9	56	1	9		70	ANTOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TRUNG THANH	P9	55	1	8		68	ANTOAN	Vietnamese
16	ĐỖ BA NAM	P9	54	1	7		82	ANTOAN	Vietnamese
17	JOHNNY SUMANDA	P9	60-61	2	13		65	NHA THAU	Philippines
18	TRẦN THANH TUYEN	P9	52	1	8		61	NHA THAU	Vietnamese
19	HOANG THE HUNG	P9	51	1	11		72	NHA THAU	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC LONG	P9	57	1	19		65	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN HAM CHUNG	P9	58-59	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
22	THAI DUC DUNG	P9	62	1	11		89	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	9	13	93	649	34	6		
2	P9	13	15	126	940	96	1		
TOTAL		22	28	219	1.589	130	7		
WEIGHT KG				219	1.589	130			

GRAND TOAL: 1.938 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	TO: BK4 - P2	CREW: VThắng - N.ANH - Q.Trường	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ ĐĂNG ĐỨC	BK4				25	70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY KHANG	P2	92	1	5	55	81	YTE	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG TUYẾN	P2	95	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VĂN LONG	P2	85	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
5	DƯƠNG XUÂN ĐIẾP	P2	98	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ VĂN ĐĂNG	P2	97	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH NAM	P2	300	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ HỮU NGUYỄN	P2	83	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ NGỌC HUNG	P2	96	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	HÀ VĂN NIN	P2	79	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN HÙNG	P2	93	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	P2	84	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	94	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
14	HÀ CHIẾN THẮNG	P2	88	1	12		86	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM THANH HIỆN	P2	89	1	4		83	KH-THAC	Vietnamese
16	HOÀNG TÂN QUÂN	P2	86	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ HÙNG CUÔNG	P2	90	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ SỸ VANG	P2	87	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
19	HỒ HUY QUYNH	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN CHÍ HUƠNG	P2	91	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
21	HOÀNG VĂN SƠN	P2	99	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	1	0	0	70	25	1	2	CHUYEN 1 PAX BK4-P2
2	P2	20	19	115	1.403	55	21		
TOTAL		21	19	115	1.473	80	22		
WEIGHT KG				115	1.473	80			

GRAND TOAL: 1.668 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	TO: RCDM - RP2	CREW: LHai - ĐỨC - ĐANG	ETA: 11:35
TRANG - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HA VAN CANH	RCDM	04	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG NGOC TAN	RCDM	05-06	2	17		60	KH-THAC	Vietnamese
3	VU MẠNH HÀ	RP2	19	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN HOANG	RP2	16	1	4		81	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DINH THINH	RP2	09	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOÀN VĂN THIÊM	RP2	11-12	2	7		60	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ TUẤN VŨ	RP2	08	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN ĐỨC THẮNG	RP2	21	1	10		64	YTE	Vietnamese
9	NGUYEN KHÁC SANG	RP2	17-18	2	8		68	KH-THAC	Vietnamese
10	LUONG QUOC VUONG	RP2	20	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN VAN LY	RP2	05	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VIET HUNG	RP2	15	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN THANH DUY	RP2	10	1	3	60	79	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN HUNG	RP2	14	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THANH DUONG	RP2	25	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐANG HOANG ANH	RP2	28	1	7		81	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC TAN	RP2	27	1	12		74	KH-THAC	Vietnamese
18	DUONG QUOC MAI	RP2	01	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN NAM TRUNG	RP2	02	1	15		59	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN TUNG	RP2	13	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VIET HUNG	RP2	06-07	2	20		95	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM QUANG LOI	RP2	29	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	2	3	27	120	0	0		
2	RP2	20	23	167	1.392	60	22		
TOTAL		22	26	194	1.512	60	22		
WEIGHT KG				194	1.512	60			

GRAND TOAL: 1.766 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/02/2023	TO: CTC1 - TD1	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: CHIẾN - ĐNam - Toan	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC HAI	CTC1	61	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN CÔNG TUYẾN	CTC1	52	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGÔ TUẤN ANH	CTC1	49	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI VĂN NINH	CTC1	50	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
5	LÂM TRỌNG ĐẠI	CTC1	47	1	10		54	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN HUYỀN	CTC1	51	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HUY CÔNG	CTC1	48	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HUY HOANG	CTC1	53-54	2	13		72	ANTOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC ANH	CTC1	55-56	2	18		90	ANTOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY TÂM	CTC1	62	1	4	20	60	PSV	Vietnamese
11	ĐO VĂN KIẾN	CTC1	57-58	2	8		80	DUY LINH	Vietnamese
12	TRẦN NGỌC TRUNG	CTC1	60	1	19	47	62	DUY LINH	Vietnamese
13	HUYNH THANH HỮU	CTC1	45-46	2	16		64	DUY LINH	Vietnamese
14	HUYNH ĐỨC VŨ	CTC1	59	1	8		70	DUY LINH	Vietnamese
15	VÔ TUẤN ANH	TD1	21	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN Y	TD1	23	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN THANH	TD1	19	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VĂN NGỌC	TD1	24	1	5		78	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TẤT LỘC	TD1	26	1	3	70	58	PSV	Vietnamese
20	TRIỆU MINH HỒNG	TD1	25	1	7		68	PSV	Vietnamese
21	VUÔNG ĐỨC HUY	TD1	22	1	13		99	PSV	Vietnamese
22	NGÔ VĂN GIAO	TD1	20	1	6		89	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	14	18	123	967	67	8		
2	TD1	8	8	54	594	70	13		
TOTAL		22	26	177	1.561	137	21		
WEIGHT KG				177	1.561	137			

GRAND TOAL: 1.875 KGS

-VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/02/2023	TO: MRM	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: TTrung - Duong - Vũ	ETA: 11:20
xanh-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN LINH	MRM	39-40	2	10		70	PVD TRAIN	Vietnamese
2	LE TRUNG SON	MRM	31	1	7		75	D-HANH	Vietnamese
3	LUONG HUNG TRIET	MRM	35	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN NGOC TIEN	MRM	30	1	5		56	DVL	Vietnamese
5	LA QUY DANH	MRM	41	1	10		68	DVL	Vietnamese
6	DO TRONG HIEN	MRM	37-38	2	10		70	DVL	Vietnamese
7	TARAN DMITRII	MRM	49	1	7		100	AMNGR	Russian
8	ABUBAKIROV TIMUR	MRM	45-46	2	12		75	AMNGR	Russian
9	MUSIN OLEG	MRM	47-48	2	15		89	AMNGR	Russian
10	SAVICHEV EGOR	MRM	50-51	2	12		80	AMNGR	Russian
11	ALEXANDER POPOV	MRM	25	1	10		90	HALLIBUR	Russian
12	HO MINH TRINH	MRM	24	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
13	MAI DAT HAI	MRM	26	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
14	LE PHU PHUC	MRM	32	1	10		80	DVL	Vietnamese
15	USATENKO DMITRII	MRM	33	1	10		100	DVL	Russian
16	NGUYEN VAN HIEU	MRM	35	1	5		75	DVL	Vietnamese
17	LE VAN THANG	MRM	42	1	12		78	DVL	Vietnamese
18	LE THANH TU	MRM	27	1	10		70	DVL	Vietnamese
19	LE MINH PHAT	MRM	43-44	2	8		65	PSV	Vietnamese
20	DOAN VAN AN	MRM	23	1	10		70	PSV	Vietnamese
21	LE HUU DUNG	MRM	34	1	5		70	PSV	Vietnamese
22	TRINH TIEN DUNG	MRM	28-29	2	18		82	SCHLUMBE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	22	29	202	1.677	0	17		
TOTAL		22	29	202	1.677	0	17		
WEIGHT KG				202	1.677	0			

GRAND TOAL: 1.879 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:00
FLIGHT: 9	TO: BK6 - CLO	CREW: Hạnh - NPhú - THU	ETA: 13:40
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BẢO TOÀN	BK6	23	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC THIẾT	BK6	20-21	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH HAI	BK6	22	1	7	50	80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRUNG CHÍNH	BK6	75	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN HUY ANH	BK6	73-74	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
6	LUƠNG XUÂN QUANG	BK6	15	1	18		56	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN KHANH	BK6	24,13	2	18		55	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ QUÝ ĐÓN	BK6	25	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TUẤN	BK6	10,14	2	15		63	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC TÍNH	BK6	26,12	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐINH TRỌNG KIẾN	BK6	17	1	18		67	XAYLAP	Vietnamese
12	HỒ SỸ HÙNG	BK6	18	1	12		75	XAYLAP	Vietnamese
13	VÕ HOÀNG TIẾN	BK6	19	1	18		80	XAYLAP	Vietnamese
14	HOÀNG ĐÌNH VINH	BK6	16	1	18		75	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAN TRỌNG MINH	BK6	11	1	5		70	PSV	Vietnamese
16	TRẦN MINH BẠCH	CLO	72	1	7		65	PSV	Vietnamese
17	LÊ MINH HOÀN	CLO	70	1	7		75	PSV	Vietnamese
18	LƯU VĂN TRỌNG	CLO	69	1	3		60	PSV	Vietnamese
19	HOÀNG HỮU THỌ	CLO	68	1	5		72	PSV	Vietnamese
20	LÊ MINH MINH	CLO	73	1	5		70	PSV	Vietnamese
21	LÊ VĂN HÙNG	CLO	67	1	4		60	PSV	Vietnamese
22	PHAN MINH TUẤN	CLO	71	1	5		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	15	20	201	1.049	50	4		
2	CLO	7	7	36	477	0	7		
TOTAL		22	27	237	1.526	50	11		
WEIGHT KG				237	1.526	50			

GRAND TOAL: 1.813 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 10	TO: TTC1 - P6 - PVD1	CREW: CHIẾN - MMinh - DTùng	ETA: 13:50
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TA TRUNG DUNG	TTC1	20-21	2	20	20	97	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THE HOI	TTC1	16-17	2	20		64	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN VAN LE	TTC1	18	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
4	VU DOAN HUNG	TTC1	19	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HANH	TTC1	24-25	2	14	30	54	CODIEN	Vietnamese
6	TRAN CAO TUAN	TTC1	22	1	12	22	66	CODIEN	Vietnamese
7	LUU QUANG DAT	TTC1	23	1	5		69	CODIEN	Vietnamese
8	VO XUAN QUANG	PVD1	52	1	5		58	PVDO	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN TUAN	PVD1	51	1	3		72	PVDO	Vietnamese
10	LE VAN GIAP	PVD1	48	1	3		70	PVDO	Vietnamese
11	PHAM HUU PHUC	PVD1	49-50	2	18		65	PVDO	Vietnamese
12	NGUYEN DOAN	PVD1	53-54	2	20		64	PVD	Vietnamese
13	PHAM VU TIEN THANH	PVD1	55	1	9		87	PVD INVE	Vietnamese
14	NGUYEN QUYET QUYNH	PVD1	59-60	2	20		65	BAKERHU	Vietnamese
15	NGUYEN DUC THUA THIEN	PVD1	71-72	2	19		71	BAKERHU	Vietnamese
16	VU VAN TUONG	PVD1	61,63	2	15		77	BAKERHU	Vietnamese
17	TRAN KHAC HOP	PVD1	68-69	2	15		77	DMC-MI	Vietnamese
18	VO HUU NHAN	PVD1	70	1	10		61	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN ANH TUAN	PVD1	66-67	2	15		71	DVL	Vietnamese
20	PHAN VINH TRUONG	PVD1	64-65	2	19		68	DVL	Vietnamese
21	LUU VAN BINH	PVD1	58	1	10		76	DUY LINH	Vietnamese
22	PHAN NANG KHOA	PVD1	56-57	2	20		55	DUY LINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	7	10	86	488	72	0		
2	P6	0	0	0	0	0	3		
3	PVD1	15	24	201	1.037	0	3		
TOTAL		22	34	287	1.525	72	6		
WEIGHT KG				287	1.525	72			

GRAND TOAL: 1.884 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/02/2023	TO: P2 - P10	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:05
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Linh - MTHAO - Huy	ETA: 13:45
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN NĂM	P2	50	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
2	HUYNH VĂN THUẬN	P2	53	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	P2				50	68	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI QUANG DUY	P2	54	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐOÀN MINH XANH	P2	55	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐINH BA HOANG NAM	P2	56	1	9		93	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ NGHĨA TÀI	P2	59	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN THUY	P2	49	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ NGỌC THĂNG	P2	57	1	6		86	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÀO QUANG THIẾT	P2	44	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUY TRUNG	P2	61	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN NAM	P2	60	1	8		78	KHI	Vietnamese
13	TRẦN HUYNH ANH PHONG	P2	58	1	6		67	KHI	Vietnamese
14	BUI QUANG CÔNG	P2	43	1	15		77	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC DANH	P2	47	1	14	12	62	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG QUÊ	P2	42	1	11	12	70	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐỖ LÊ SƠN	P2	51-52	2	18		71	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐOÀN ĐÌNH DỤNG	P2	46	1	13	11	65	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC PHÁT	P2	62-63	2	18		68	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐOÀN VĂN GIÁP	P2	64-65	2	18		71	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN VĂN CHANH	P10	01	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN MẠNH QUÊ	P10	02-03	2	18		74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	20	22	185	1.420	85	10		
2	P10	2	3	26	140	0	0		
TOTAL		22	25	211	1.560	85	10		
WEIGHT KG				211	1.560	85			

GRAND TOAL: 1.856 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:10
FLIGHT: 12	TO: P2 - RP2	CREW: Hạnh - NPhú - THỤ	ETA: 15:50
XANH-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG TÂN	P2	68	1	3		60	PSV	Vietnamese
2	TRẦN VĂN ĐỨC	P2	69	1	5		54	PSV	Vietnamese
3	LÊ PHÁT THỊNH	P2	78	1	5		95	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TRƯỞNG	P2	75	1	15		65	TRƯỜNG	Vietnamese
5	LÊ VĂN LAM	P2	70	1	15		53	TRƯỜNG	Vietnamese
6	LÊ VĂN LINH	P2	71-72	2	9		56	TRƯỜNG	Vietnamese
7	PHAN TÀI DANH	P2	76-77	2	18		62	TRƯỜNG	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	P2	73-74	2	15		65	TRƯỜNG	Vietnamese
9	NGUYỄN HAI SÁNG	RP2	87	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÀO VĂN TUÂN	RP2	81	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ CHÍ CUÔNG	RP2	88	1	11		66	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ DUY QUYÊN	RP2	85	1	11		60	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG XUÂN KHOA	RP2					65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	RP2	89	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
15	THAI VĂN TUÂN	RP2	86	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
16	DOAN VAN LAN	RP2	84	1	5		68	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT BUNG	RP2	80	1	5		52	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN THÔNG	RP2	90	1	5		64	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN CƯ	RP2	82	1	5		71	PSV	Vietnamese
20	VŨ ĐỨC NGHĨA	RP2	83	1	6		63	PSV	Vietnamese
21	LÊ ĐĂNG KHOA	RP2	79	1	6		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	8	11	85	510	0	2		
2	RP2	13	12	71	856	0	16		
TOTAL		21	23	156	1.366	0	18		
WEIGHT KG				156	1.366	0			

GRAND TOAL: 1.522 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/02/2023	TO: BK8	AIRCRAFT: 426	ETD: 14:15
FLIGHT: 13	FROM: VT	CREW: Linh - MTHAO - Huy	ETA: 15:55
CAM-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HOÀNG CẨM	BK8	68	1	12		77	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN TÍNH	BK8	67	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ CÔNG LƯU	BK8	60	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ TÂN	BK8	57	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH NHÂN	BK8	59	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ BA HOÀ	BK8	66	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN QUỐC TOÀN	BK8	58	1	11		90	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ KHẮC PHƯƠNG	BK8	29-30	2	16		65	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN QUY THUẬN	BK8	64-65	2	16		55	XAYLAP	Vietnamese
10	LƯƠNG VĂN THỨC	BK8	63	1	11		76	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐINH VĂN TUẤN	BK8	19	1	16		67	XAYLAP	Vietnamese
12	HÀ ĐỨC TUNG	BK8	55	1	15		62	XAYLAP	Vietnamese
13	BUI CÔNG HÙNG	BK8	61-62	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
14	MAI VÕ TRƯỞNG GIANG	BK8	27-28	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN VĂN TRƯỞNG	BK8	31	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN ANH KIẾT	BK8	71-72	2	20		71	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN VĂN TOÀN	BK8	70	1	12		74	XAYLAP	Vietnamese
18	HOÀNG VĂN THẮNG	BK8	32-33	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN KHẮC HOÀNG	BK8	25-26	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN CÔNG	BK8	75	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐO VĂN HÙNG	BK8	73-74	2	20		64	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN TRUNG DỤC	BK8	69	1	10		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	22	30	289	1.499	0	6		
TOTAL		22	30	289	1.499	0	6		
WEIGHT KG				289	1.499	0			

GRAND TOAL: 1.788 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

maipke

[Signature]